

Giải bài tập SGK Tiếng Anh lớp 11:

Unit 10: Nature in Danger

A. Reading (Trang 114-115-116-117 SGK Tiếng Anh 11)**Before you read** (Trước khi bạn đọc)

- **Work in pairs.** Read these facts about endangered species and discuss the questions below. (Làm việc theo cặp. Đọc những sự thật về các loài có nguy cơ tuyệt chủng và thảo luận các câu hỏi dưới đây.)

+ Loài báo bầy giờ chỉ sống rải rác ở Đông Phi mặc dù trước đây đã có một thời có thể tìm thấy ở khắp nơi trên Châu Phi và Châu Á.

+ Người ta ước tính chỉ có 1 000 con gấu trúc còn lại ở vùng hoang dã.

+ Có chỉ khoảng 20 con hổ Si-bê-ri còn lại trong vùng hoang dã ở Trung Quốc và vào khoảng 100 con sống ở các sở thú Trung Quốc và các vườn quốc gia.

1. What do you understand from the facts above? (Bạn hiểu gì về các sự thật trên?)

=> The facts above show that the numbers of some wild/ rare animals such as cheetahs, pandas and Silberian tigers have become small/ extinct.

2. Can you explain why the numbers of these animals have become small? (Bạn có thể giải thích tại sao số lượng của các loài động vật này trở nên nhỏ không?)

=> The numbers of these animals have become small because they are killed for food, fur or skin.

While you read (Trong khi bạn đọc)

Read the passage, and then do the tasks that follow. (Đọc đoạn văn, và sau đó làm các bài tập theo sau.)

Hướng dẫn dịch:

Con người chỉ là một chủng loại sinh vật bé nhỏ trong thế giới sống. Còn có nhiều chủng loại khác hiện hữu trên hành tinh này. Tuy nhiên con người có ảnh hưởng lớn tới phần còn lại trên thế giới. Họ thay đổi môi trường bằng cách xây dựng thôn làng và thành phố nhà cửa nơi đã từng là rừng rậm. Họ đang tác động tới nguồn nước bằng cách lấy nước dùng cho công nghiệp và nông nghiệp. Họ đang thay đổi thời tiết bằng việc đốn cây trong rừng, và họ đang hủy diệt không khí bằng cách thải chất gây ô nhiễm vào không khí.

Có thể nói rằng con người đang thay đổi môi trường sống về mọi mặt qua hành động và thói quen của họ. Điều đó đã đưa đến hai hậu quả nghiêm trọng. Thứ nhất là nhiều loại thú quý hiếm đã bị tiêu diệt. Thứ nhì là môi trường nơi các sinh vật ấy sống đang bị hủy hoại một cách tồi tệ. Kết quả là số lượng thú quý hiếm đang giảm nhanh đến nỗi chúng có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Để bảo đảm các loài thú quý hiếm đó không bị biến mất, nhiều nỗ lực đã được thực hiện để bảo vệ môi trường sống của chúng. Các nhà khoa học đã lập một danh mục các loài thú đang có nguy cơ tuyệt chủng và đề nghị các biện pháp để bảo vệ chúng. Hàng ngàn công viên quốc gia đã được thiết lập trên khắp thế giới để bảo vệ các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng. Nhiều luật lệ đã được đặt ra để nghiêm cấm việc giết hại các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và cấm tàn phá môi trường nơi các loài thú quý hiếm đang sống.

Nếu sự can thiệp của con người vào môi trường giảm xuống, thì sẽ có nhiều chủng loại tồn tại và sinh con đẻ cháu. Trái đất sẽ là hành tinh hạnh phúc nơi mà con người, muôn thú và cây cối sẽ cùng tồn tại trong hòa bình.

Task 1. The words in the box all appear in the passage. Fill each blank with a suitable word. (*Những từ trong khung xuất hiện trong đoạn văn. Điền vào mỗi chỗ trống với một từ thích hợp.*)

Gợi ý:

1. extinct
2. Protect
3. Decreasing
4. Pollutants
5. endangered
6. Interferences

Task 2. Circle A, B, C or D that best sums up each paragraph. (*Khoanh tròn A, B, C hoặc D thể hiện ý chính của mỗi đoạn văn.*)

Gợi ý:

1. C - Con người đang can thiệp/tác động đến tự nhiên
2. B - Con người chịu trách nhiệm cho các thay đổi môi trường
3. A - Con người đang nỗ lực để bảo vệ môi trường
4. C - Các điều kiện cho sự chung sống hòa bình

Task 3. Answer the questions. (*Trả lời các câu hỏi.*)

1. What are the four ways by which human beings are changing the world? (*Con người đang làm thay đổi thế giới theo 4 cách nào?*)

=> Four ways that people change the world are:

- They are changing the environment by building cities and villages.
- They are affecting the water supply by using water for industry and agriculture.
- They are changing weather conditions by cutting down trees in the forests.
- They are destroying the air by adding pollutants like smoke from factories and homes.

2. What are the serious consequences of people's interference with the environment?
(*Những hậu quả nghiêm trọng của sự can thiệp của con người đến môi trường là gì?*)

=> The serious consequences of people's interference with the environment are:

- Many kinds of rare animals are killed.
- The environment where these animals are living is badly destroyed.
- The numbers of rare animals is decreasing so rapidly that they are in danger of becoming extinct.

3. What has been done to protect the environment? (*Những gì đã được thực hiện để bảo vệ môi trường?*)

=> Many things have been done to protect endangered nature, such as:

- Many organizations have been set up and money has been raised to save rare animals.
- Thousands of national parks have been established.
- Laws have been passed to prohibit killing endangered animals.

After you read (*Sau khi bạn đọc*)

Work in groups. *Find out why some animals have become extinct. (Làm việc nhóm. Tìm xem tại sao một số loài động vật đã bị tuyệt chủng.)*

Gợi ý:

- People are destroying the natural environment: by cutting down trees in the forests, by adding chemical pollutants, ...
- People's interference with the environment cause many natural disasters: flood, forest fire, ...
- People hunt or capture animals for skin, food, recreation or entertainment.

- Climate changes and Disease

B. Speaking (Trang 118 SGK Tiếng Anh 11)

Task 1. Work in pairs. Below are some reasons why nature is threatened. Put them in the order of importance. (*Làm việc theo cặp. Dưới đây là một số lí do tại sao thiên nhiên đang bị đe dọa. Đặt chúng theo thứ tự quan trọng.*)

Dịch và xếp thứ tự:

1 - Burning forests: đốt rừng

2 - Cutting down trees for wood: chặt cây lấy gỗ/củi

3 - Discharging chemical pollutants into the environment: thải chất ô nhiễm hóa học vào môi trường

4 - Using fertilizers and pesticides for cultivation: sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu cho trồng trọt

5 - Killing endangered animals for fur, skin and food: giết động vật để lấy lông, da và thực phẩm

6 - Hunting or capturing animals for recreation or entertainment: săn hoặc bắt động vật để tiêu khiển hoặc giải trí

7 - Keeping animals as pets: nuôi động vật làm thú cưng

Task 2. Work in pairs. Match the reasons in Task 1 with possible measures for protecting the environment in the box below. (*Làm việc theo cặp. Nói các lí do trong Bài tập 1 với các biện pháp có thể để bảo vệ môi trường trong khung dưới đây.*)

Hướng dẫn dịch:

A - Giết các loài động vật đang có nguy cơ tuyệt chủng để lấy lông, da và thực phẩm nên bị cấm.

B - Việc trồng cây nên được khuyến khích.

C - Việc nuôi giữ động vật để làm thú cưng nên bị ngăn cấm.

D - Công viên và vườn quốc gia nên được thành lập để bảo vệ động thực vật.

E - Động vật không nên bị bắt để tiêu khiển và giải trí.

F - Tất cả các loài động thực vật nên được bảo vệ.

G - Việc thải các chất độc hóa học vào môi trường nên bị cấm.

H - Nên khuyến khích giảm việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong canh tác nông nghiệp.

Gợi ý:

Từ thứ tự trong Task 1 và chữ cái đánh dấu trên, ta có:

1 & 2. B 3. G 4. H 5. A 6. E 7. C

Task 3. Work in pairs. State the negative impacts caused by people on the environment (*Làm việc theo cặp. Hãy nói về tác động tiêu cực gây ra bởi con người lên môi trường và đề xuất các biện pháp để bảo vệ nó.*)

Example:

A: *People are killing endangered animals for fur, skin and food.*

B: *Killing endangered animals for fur, skin and food should be banned.*

Dựa vào Task 2, làm tương tự như trên, ví dụ:

A: People are keeping animals as pets.

B: Keeping animals as pets should be discouraged.

C. Listening (Trang 119 SGK Tiếng Anh 11)

Before you listen (Trước khi bạn nghe)

- **Work in pairs.** Name some national parks in Vietnam. (*Làm việc theo cặp. Kể tên một số vườn quốc gia ở Việt Nam.*)

+ Cat Ba National Park

+ Cat Tien National Park

+ Cuc Phuong National Park

+ Bach Ma National Park

- *Listen and repeat.*

scenic features: đặc trưng phong cảnh

devastating: tàn phá

maintenance: duy trì, bảo vệ

approximately: xấp xỉ, khoảng

vehicles: xe cộ

completely: hoàn toàn, đầy đủ

While you listen (Trong khi bạn nghe)

Task 1. Listen to the passage and decide if the following statements are true (T) or false (F). (*Nghe đoạn văn và xác định xem các phát biểu sau là đúng (T) hoặc sai (F).*)

Gợi ý:

1. T 2. T 3. F 4. T 5. T

Task 2. Listen again and answer the questions. (*Nghe lại và trả lời các câu hỏi.*)

1. How many national parks are there in the United States? (*Ở Mỹ có bao nhiêu vườn quốc gia?*)

=> There are 52 national parks in the United States.

2. How many people visit national parks every year? (*Mỗi năm có bao nhiêu người đến thăm vườn quốc gia?*)

=> Millions of people visit national parks every year.

3. Can you name some problems which national parks are facing currently? (*Bạn có thể kể tên một số vấn đề mà các vườn quốc gia hiện tại đang phải đối mặt?*)

- Rare animals are killed or hunted for fur.
- Trees are cut down for wood.
- Forest fires.
- Pollution from visitors' vehicles.

4. What should be done to protect them? (*Nên làm gì để bảo vệ chúng?*)

- Rare animals and trees should be protected.
- Fires caused by careless people should be limited.
- Pollution from their vehicles should be decreased.
- Money should be raised for the parks' staff and maintenance of their sources.

After you listen (*Sau khi bạn nghe*)

- **Work in groups.** Summarize the passage, using the information in Tasks 1 and 2. (*Làm việc nhóm. Tóm tắt đoạn văn, sử dụng thông tin trong Bài tập 1 và 2.*)

Gợi ý:

National parks are to protect and preserve the natural beauty of land. They contain a variety of scenic features. There are 52 national parks in the USA and millions of people visit it every year. Many national parks are in danger of being destroyed. If their problems are not solved, they will be destroyed completely.

D. Writing (Trang 120 SGK Tiếng Anh 11)

Write a description of Cat Ba National Park, using the facts and figures below. (Viết một đoạn văn về Vườn quốc gia Cát Bà, sử dụng các dữ kiện và con số dưới đây.)

Đoạn văn gợi ý:

Đoạn văn 1:

Cat Ba National Park is located on Cat Ba island, 120km from Hanoi and 20km east of Hai Phong. Its total area is 15.200 ha, including 9.800 ha of ocean. It's famous for both tropical forests and coastal water with white sand beach abundant natural resources, beautiful landscape and many kinds of rare animals and plants There are 300 species of fish, 40 kinds of animals, 150 different birds and 620 species of plants. The stone tool and human bones are found in the island's caves that people inhabited there at least 6 000 years ago.

Đoạn văn 2:

Cat Ba National Park, which was declared as a national park in 1986, is situated on Cat Ba Island, 120 km from Ha Noi and 20 km east of Hai Phong. Cat Ba National Park is the only site in Viet Nam endowed with both tropical forests and coastal waters with white sand beaches, abundant natural resources, beautiful landscapes and many kinds of rare animals and plants. It covers 15,200 ha, including 9,800 ha of land 4,400 ha of ocean. Cat Ba National Park preserves approximately 300 species of fish, 40 kinds of animals, 150 different birds and 620 species of plants. The stone tools and human bones found in the island's limestone caves reveal that people inhabited there at least 6,000 years ago.

E. Language Focus (Trang 121-122-123 SGK Tiếng Anh 11)

Grammar

Exercise 1. Choose the suitable italicised words to complete the following sentences. (Chọn từ in nghiêng thích hợp để hoàn thành các câu sau.)

Gợi ý:

1. whom 2. Which 3. Whom 4. Who 5. Which
6. whom 7. which

Exercise 2. Combine the following sentences, using **preposition + whom** or **which**.
(*Ghép các câu sau, sử dụng giới từ + whom hoặc which.*)

Gợi ý:

1. → The man to whom I talked yesterday was very kind.
2. → The man about whom I told you works in the hospital.
3. → The woman about whom I am telling you teaches me English.
4. → The movie about which they are talking is fantastic.
5. → The picture at which she was looking was beautiful.
6. → I'll give you the address to which you should write.

Exercise 3. Complete the following sentences, using **who**, **whom**, **which** or **that**. (*Ghép các câu sau, sử dụng who, whom, which hoặc that.*)

Gợi ý:

1. that 2. Which 3. Who 4. Whom 5. which/that
6. which 7. Who 8. whom